

Số: 116 /QĐ-GDDT

Nhà Bè, ngày 26 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu học sinh giỏi cấp Huyện năm học 2018 - 2019

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè;

Căn cứ Kế hoạch số 874/GDDT-TrH ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 cấp Huyện dự thi cấp Thành phố năm học 2018 - 2019;

Căn cứ kết quả kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Huyện năm học 2018 - 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 176 học sinh đạt thành tích tốt trong kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Huyện năm học 2018 - 2019 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Mỗi học sinh được tặng một giấy chứng nhận của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè.

Điều 3. Các tổ bộ phận có liên quan của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường THCS và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.



Lê Thị Oanh



DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2018 - 2019

Kèm theo quyết định số 41/K/QĐ-PGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH		NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	HỌC SINH GIỎI MÔN
		NGÀY	THÁNG				
1	Lê Hồng Thuận	05	02	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Hóa học
2	Nguyễn Thị Hoa Loan	6	5	Quảng Nam	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	09	12	Thái Bình	9a4	Lê Văn Hưu	Hóa học
4	Trịnh Hoàng Ngọc Lâm	13	04	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Hóa học
5	Bùi Anh Dương	14	8	Quảng Nam	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
6	Huỳnh Hoàng Trúc Giang	18	9	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
7	Lê Thị Khánh Linh	19	02	Thanh Hóa	9A4	Nguyễn Văn Quý	Hóa học
8	Nguyễn Hồng Phương Vi	9	1	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
9	Nguyễn Ngọc Như Hân	24	02	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Hóa học
10	Nguyễn Thị Kiều Anh	28	02	Thái Bình	9A3	Hai Bà Trưng	Hóa học
11	Lê Thị Như Quỳnh	06	08	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Hóa học
12	Trần Nguyễn Khánh Linh	15	8	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Hóa học
13	Đặng Quốc Huy	14	06	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Hóa học
14	Trần Quốc Huy	28	12	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Hóa học
15	Nguyễn Thảo Vân	07	12	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Hóa học
16	Cao Ngọc Quỳnh Như	10	11	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Hóa học
17	Trần Thị Kim Tuyền	11	08	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Hóa học
18	Bùi Thị Ngọc Trâm	18	06	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Hóa học
19	Ngô Nghi	9	10	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	Hóa học
20	Vũ Minh Chiến	1	1	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
21	Lê Dương Tấn Minh	23	12	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Toán
22	Huỳnh Ngọc Trâm	25	5	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
23	Lương Minh Phước	22	10	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
24	Nguyễn Hữu Bảo	30	6	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
25	Phan Đức Trí	24	01	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Toán
26	Nguyễn Hoài Nam	01	04	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Toán

27	Trần Đình Phương	Linh	26	4	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
28	Nguyễn Tạ Quỳnh	Thương	7	10	2004	Bình Phước	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
29	Ngô Huỳnh Nhã	Linh	08	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Toán
30	Phạm Minh	Hiền	4	8	2004	Long An	9a5	Nguyễn Bình Khiêm	Toán
31	Luyện Hùng	Lâm	19	12	2003	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Toán
32	Võ Thiên	Phú	7	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Toán
33	Đặng Thị Bích	Trâm	07	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Toán
34	Đặng Thị Thảo	Vy	18	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Vật lý
35	Nguyễn Hoàng Phúc	Hậu	4	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Vật lý
36	Huỳnh Minh	Mẫn	05	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Vật lý
37	Nguyễn Minh	Thư	26	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Lê Văn Hưu	Vật lý
38	Nguyễn Trần Anh	Thư	20	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Vật lý
39	Phạm Vũ Khắc	Đình	15	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Vật lý
40	Huỳnh Trần Minh	Chiến	23	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Lê Văn Hưu	Vật lý
41	Trần Triệu	Vĩ	31	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Vật lý
42	Hồ Quan	Minh	07	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Vật lý
43	Lê Trần Kim	Oanh	27	7	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Vật lý
44	Nguyễn Tấn	Vũ	08	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Vật lý
45	Phan Ngô Tiến	Thịnh	19	11	2004	Bến Tre	9A1	Lê Văn Hưu	Vật lý
46	Trần Minh	Hiệu	19	7	2004	Vĩnh Long	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Vật lý
47	Võ Minh	Thắng	24	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Vật lý
48	Phạm Thị Tuyết	Hồng	16	5	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Vật lý
49	Tô Thế	Hân	15	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Vật lý
50	Lê Võ Thảo	Vy	20	07	2004	Bến Tre	9A1	Lê Thành Công	Vật lý
51	Nguyễn Đoàn Minh	Băng	11	5	2004	Vĩnh Long	9a2	Hiệp Phước	Vật lý
52	Nguyễn Thị Diệp	Vi	25	09	2004	Hà Tây	9A1	Lê Thành Công	Vật lý
53	Dương Thanh	Toàn	24	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Lê Văn Hưu	Vật lý
54	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	29	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A8	Hai Bà Trưng	Lịch sử
55	Nguyễn Thị Ngọc	Cầm	02	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Lịch sử
56	Huỳnh Ngọc Tô	Như	18	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Lịch sử
57	Huỳnh Ang Hải	Yến	28	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Lịch sử
58	Võ Ngọc Cẩm	Hằng	21	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Lịch sử

59	Phan Mỹ	Ngọc	2	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a7	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch sử
60	Lê Thị Kim	Yến	17	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch sử
61	Huỳnh Như	Ý	06	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Lịch sử
62	Nguyễn Huỳnh Hương	Giang	26	11	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch sử
63	Lê Thị Bé	Thùy	30	07	2003	Tri Tôn, An Giang	9A4	Lê Thành Công	Lịch sử
64	Dương Bảo	Trần	14	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Lịch sử
65	Phạm Ngọc Anh	Thư	22	11	2003	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Lê Thành Công	Lịch sử
66	Võ Anh	Thư	24	7	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch sử
67	Huỳnh Tấn	Phát	3	3	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch sử
68	Phạm Tiến	Thành	2	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch sử
69	Lê Võ Hoàng Triệu	Vy	18	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Lê Văn Hưu	Lịch sử
70	Đào Được	Ngọc	15	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch sử
71	Lý Thị Mỹ	Tâm	18	06	2004	An Giang	9A2	Lê Thành Công	Lịch sử
72	Bùi Thị Anh	Thư	7	5	2004	Tiền Giang	9a2	Hiệp Phước	Lịch sử
73	Nguyễn Thị Kim	Chi	23	2	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch sử
74	Võ Thị Cẩm	Nhung	26	6	2004	Long An	9a2	Hiệp Phước	Địa lý
75	Nguyễn Thị Kim	Yến	14	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Phước Lộc	Địa lý
76	Nguyễn Phi	Long	04	02	2004	Kiên Giang	9A1	Lê Thành Công	Địa lý
77	Phạm Ngọc Kim	Ngân	14	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	Địa lý
78	Nguyễn Ngọc	Tiên	12	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Địa lý
79	Trần Hoàng Trọng	Phước	12	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Địa lý
80	Trương Anh	Kiệt	02	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Địa lý
81	Hồ Ngọc Tuyết	Nhi	15	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	Địa lý
82	Nguyễn Thị Diễm	Trình	27	7	2004	Long An	9a2	Hiệp Phước	Địa lý
83	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Địa lý
84	Lê Thị Từ	Vy	08	02	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Địa lý
85	Trần Cẩm	Ngân	09	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Địa lý
86	Phạm Như	Quỳnh	4	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	Địa lý
87	Nguyễn Đức	Đạt	14	04	2004	Đồng Nai	9a1	Lê Văn Hưu	Địa lý
88	Lý Xuân	Mai	09	03	2004	Thanh Hóa	9A4	Nguyễn Văn Quý	Địa lý
89	Nguyễn Hữu	Nghĩa	30	05	2004	Bến Tre	9A2	Lê Thành Công	Địa lý
90	Nguyễn Nhật Đăng	Khoa	15	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	Địa lý

91	Nguyễn Huỳnh	Nhu	03	02	2004	Long An	9a4	Lê Văn Hưu	Địa lý
92	Huỳnh Thị Hoàng	Linh	14	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Địa lý
93	Ve	Samy	29	1	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Địa lý
94	Nguyễn Thị Kim	Hoa	07	08	2004	Đồng Nai	9a3	Lê Văn Hưu	Tiếng Anh
95	Trịnh Nguyễn Anh	Khôi	02	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Tiếng Anh
96	Trần Khánh	Duy	21	10	2004	Đồng Nai	9a7	Nguyễn Bình Khiêm	Tiếng Anh
97	Thạch Thị Thanh	Thảo	29	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Tiếng Anh
98	Lê Thanh	Trúc	16	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Tiếng Anh
99	Phạm Lâm Gia	Hân	1	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a7	Nguyễn Bình Khiêm	Tiếng Anh
100	Trần Bạch Tỏ	Nhu	29	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Tiếng Anh
101	Lâm Dương Trường	Hậu	04	02	2004	Cà Mau	9A1	Lê Thành Công	Tiếng Anh
102	Nguyễn Trần Phương	Nhi	27	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Tiếng Anh
103	Nguyễn Anh	Phát	26	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Tiếng Anh
104	Lý Thị Kiều	Nuong	07	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Sinh học
105	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	14	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Sinh học
106	Lê Hoài	Thanh	14	2	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Sinh học
107	Nguyễn Thị Hồng	Nhu	04	01	2004	Vĩnh Long	9A4	Nguyễn Văn Quý	Sinh học
108	Đặng Quế	Trần	27	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Sinh học
109	Thái Nhã	Chi	19	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học
110	Nguyễn Thị Kim	Hồng	26	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Sinh học
111	Nguyễn Đức	Anh	21	11	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Nguyễn Bình Khiêm	Sinh học
112	Đỗ Thị Kim	Ngân	24	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Sinh học
113	Phùng Ngọc Quỳnh	Hương	05	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Sinh học
114	Lê Thị Kim	Thoa	11	08	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Sinh học
115	Vũ Tuyết	Ngân	27	10	2004	Nam Định	9a1	Lê Văn Hưu	Sinh học
116	Nguyễn Huỳnh Phương	Trinh	06	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Sinh học
117	Đặng Thị	Phuong	10	11	2004	Hưng Yên	9A1	Lê Thành Công	Sinh học
118	Trần Lê Anh	Lợi	20	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Sinh học
119	Đinh Hoàng	Cầm	15	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Sinh học
120	Nguyễn Lê Hoàng	Vinh	19	04	2004	Tiền Giang	9a4	Lê Văn Hưu	Sinh học
121	Nguyễn Ngọc	Linh	22	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Sinh học

122	Cao	Phúc	02	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Sinh học
123	Phạm Trung	Hiếu	29	05	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A3	Lê Thành Công	Sinh học
124	Trần	Kha	06	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Lê Văn Hưu	Công nghệ
125	Đặng Quốc	Hưng	22	06	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ
126	Lê Trường	Giang	20	10	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ
127	Phan Thành	Đại	23	12	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ
128	Nguyễn Văn Thanh	Tú	7	5	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Công nghệ
129	Nguyễn Gia	Nguyễn	15	9	2004	Bình Định	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
130	Nguyễn Thanh	Trí	04	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Lê Văn Hưu	Công nghệ
131	Lê Nguyễn Hạnh	Như	09	09	2004	Long An	9A3	Lê Thành Công	Công nghệ
132	Nguyễn Tuấn	Anh	25	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
133	Nguyễn Lê	Tân	30	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Công nghệ
134	Phạm Lê Tường	Vy	08	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Tin học
135	Phạm Huỳnh Thanh	Hưng	09	08	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2	Hiệp Phước	Tin học
136	Phạm Thạch Thanh	Trúc	19	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Tin học
137	Đặng Đăng	Khôi	12	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Tin học
138	Đào Hải	Đăng	21	09	2004	Hà Nam	9a2	Lê Văn Hưu	Tin học
139	Ngô Anh	Duy	22	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Tin học
140	Phạm Lê Tuấn	Kiệt	02	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2	Hiệp Phước	Tin học
141	Nguyễn Thanh	Thuận	11	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2	Hiệp Phước	Tin học
142	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	9	7	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Ngữ văn
143	Trần Minh	Kha	07	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
144	Nguyễn Ngọc Kim	Quỳnh	6	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2	Hiệp Phước	Ngữ văn
145	Phạm Thị Mỹ	Nguyễn	03	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
146	Hồ Ngọc Thanh	Vy	03	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
147	Ngô Thị Mỹ	Duyên	17	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
148	Lê Huỳnh Thảo	Nhi	05	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
149	Dương Thị Hồng	Gám	17	09	2004	Đồng Nai	9a4	Lê Văn Hưu	Ngữ văn
150	Nguyễn Đoàn Hoàng	Oanh	15	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Ngữ văn
151	Huỳnh Ngọc Khánh	An	24	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
152	Lê Thị Kim	Hương	06	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Ngữ văn
153	Cao Nguyễn Triệu	Vy	12	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Ngữ văn

154	Từ Ngọc Thanh	Như	26	3	2003	TP. Hồ Chí Minh	9A2	Hiệp Phước	Ngũ văn
155	Võ Đình Song	Hương	2	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Ngũ văn
156	Võ Kim	Thị	16	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	Ngũ văn
157	Trần Nguyễn Kim	Hoàn	26	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Ngũ văn
158	Vũ Thu	Hiền	01	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Lê Văn Hưu	Ngũ văn
159	Võ Ngọc	My	30	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Ngũ văn
160	Trương Gia Bảo	Ngọc	14	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Lê Văn Hưu	Ngũ văn
161	Nguyễn Hồng	Nhi	30	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Ngũ văn
162	Lê Mỹ	Hằng	23	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Lê Văn Hưu	Thực nhiệm khoa học
163	Lê Phan Anh	Minh	18	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Lê Văn Hưu	Thực nhiệm khoa học
164	Huỳnh Nguyễn Quang	Nhân	25	12	2003	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Thực nhiệm khoa học
165	Nguyễn Hoàng Phúc	Vinh	31	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Thực nhiệm khoa học
166	Nguyễn Thị Lan	Anh	24	1	2004	Đồng Nai	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Thực nhiệm khoa học
167	Phạm Nhật	Huy	16	3	2004	Vĩnh Long	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Thực nhiệm khoa học
168	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	27	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	Thực nhiệm khoa học
169	Nguyễn Tấn	Tiến	2	3	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a7	Nguyễn Bình Khiêm	Thực nhiệm khoa học
170	Nguyễn Hoài Bảo	Trâm	17	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Thực nhiệm khoa học
171	Phạm Phước	Sang	29	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Thực nhiệm khoa học
172	Phạm Nguyễn Thái	Dương	3	3	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a5	Nguyễn Bình Khiêm	Khoa học tự nhiên
173	Trần Doan	Khánh	9	5	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Khoa học tự nhiên
174	Phạm Minh	Ngọc	8	1	2004	Thái Nguyên	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Khoa học tự nhiên
175	Nguyễn Hoàng	Phong	6	3	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	Khoa học tự nhiên
176	Nguyễn Huỳnh Đăng	Duy	10	5	2003	Cần Thơ	9a4	Hiệp Phước	Khoa học tự nhiên

Danh sách gồm 176 học sinh. / *MM*